

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 18821 /BTC-KBNNV/v hướng dẫn công tác khóa sổ kế
toán niên độ 2014 trên TABMISHà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2014

Kính gửi:

SỞ TÀI CHÍNH	
Số: <u>1262</u>	gày: <u>26/12</u>
Thị trấn: <u>...</u>	

- Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước

Thực hiện quy định tại mục V Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/06/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/06/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN; Thông tư số 210/2011/TT-BTC ngày 20/12/2011 của Bộ Tài chính quy định về việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm; Thông tư số 199/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2014; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014; Thông tư số 107/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 hướng dẫn bổ sung một số điểm về quản lý, điều hành ngân sách nhà nước; Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán NSNN hàng năm; Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi NSNN qua KBNN; Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/06/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước; Công văn số 17927/BTC-KBNN ngày 26/12/2012 của Bộ Tài chính về triển khai quản lý và kiểm soát cam kết chi NSNN qua KBNN; Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS); Công văn số 8859/BTC-KBNN ngày 09/7/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán dự toán, lệnh chi tiền NSTW áp dụng cho TABMIS; Công văn số 8858/BTC-KBNN ngày 09/7/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán dự toán, lệnh chi tiền NSDP áp dụng cho TABMIS; Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc; Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 13/08/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước những tháng cuối năm; Bộ Tài chính hướng dẫn một số điểm về công tác khóa sổ kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước (NSNN) niên độ 2014 trên TABMIS như sau:

I. Đối chiếu số liệu phục vụ khóa sổ và quyết toán 2014

1. Đối với cơ quan tài chính (CQTC)

- Kiểm tra, rà soát toàn bộ dự toán cấp 0, dự toán của các đơn vị dự toán thuộc trách nhiệm CQTC nhập vào TABMIS. Phối hợp với các đơn vị dự toán kiểm tra, rà soát dự toán cấp trung gian của các đơn vị (cấp 1, 2, 3) thuộc ngân sách TW, tỉnh, huyện với số liệu trên hệ thống TABMIS (nếu có).

- Kiểm tra, đối chiếu số liệu chi NSNN bằng lệnh chi tiền đã nhập vào TABMIS, các khoản tạm vay, tạm ứng chưa đưa vào cân đối, cân đối nguồn vốn ngân sách các cấp để chủ động xử lý.

- Đối chiếu số liệu ghi thu - ghi chi NSTW có liên quan đến NSDP: Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại (QLN và TCDN) chịu trách nhiệm đối chiếu với Sở Tài chính các tỉnh, thành phố; Sở Tài chính phối hợp với KBNN cùng cấp đảm bảo hạch toán đầy đủ các Lệnh ghi thu - ghi chi năm 2014. Trường hợp có sai lệch, đề nghị Cục QLN và TCDN phối hợp với Sở Tài chính tỉnh, thành phố xử lý kịp thời.

- Đối với dự toán chi chuyển giao NSTW cho NSDP: Vụ NSNN chịu trách nhiệm đối chiếu số liệu đã hạch toán trên hệ thống TABMIS (Báo cáo B5-05) và quyết định giao dự toán (bản giấy) đảm bảo chính xác.

- Phối hợp với KBNN cùng cấp rà soát, đối chiếu, điều chỉnh số dư tạm ứng, ứng trước, dự toán ngân sách của các cấp ngân sách tương ứng chi tiết theo từng nguồn: đầu tư, thường xuyên, chuyển giao, khác,... đã phân bổ đến cấp 4. Đảm bảo số liệu khớp đúng giữa số hạch toán trên hệ thống TABMIS với số theo dõi của CQTC.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý các tài khoản tạm thu, tạm giữ theo quy định.

- Kiểm tra, rà soát và xử lý các giao dịch dở dang trên hệ thống TABMIS đảm bảo số liệu chính xác phục vụ công tác đối chiếu với KBNN khi thực hiện khóa sổ kế toán và quyết toán niên độ năm 2014.

- Thực hiện ghi thu - ghi chi NSNN của các đơn vị, thẩm định quyết toán kịp thời theo quy định tại điểm 6, công văn số 33/BTC-NSNN ngày 02/01/2009 về việc thực hiện Thông tư số 108/2008/TT-BTC, gửi KBNN cùng cấp làm căn cứ hạch toán.

2. Đối với các đơn vị KBNN

- Thực hiện kiểm tra, đối chiếu số liệu của tất cả các phần hành kế toán, việc hạch toán theo mục lục NSNN, điều tiết thu NSNN,... Kiểm tra, rà soát toàn bộ số liệu hạch toán từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014; kịp thời phát hiện các sai sót, thực hiện điều chỉnh vào ngày hiện tại đảm bảo số liệu chính xác, khớp đúng theo từng nghiệp vụ, từng tài khoản có liên quan.

- Phối hợp và đôn đốc các đơn vị sử dụng ngân sách rà soát, đối chiếu lại số dự toán kinh phí thường xuyên được giao trong năm, trong đó lưu ý kiểm tra

số liệu dự toán NSTW của các đơn vị thực hiện đồng bộ hóa về bộ sổ tỉnh; kiểm tra, rà soát số liệu dự toán NSTW thuộc trách nhiệm của KBNN nhập, đảm bảo số liệu khớp đúng với quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền cho đơn vị; Kiểm tra số dư dự toán năm 2013 chuyển sang năm 2014, số dự toán nhập đầu năm 2014; kịp thời phát hiện các sai sót, trùng lặp (nếu có) thực hiện điều chỉnh đảm bảo số liệu chính xác. Rà soát số liệu dự toán tạm cấp đầu năm, đảm bảo đã xử lý hết số dư dự toán tạm cấp theo quy định. Đối chiếu và xử lý dứt điểm số dư dự toán (đơn vị SDNS) còn lại trên hệ thống của năm 2013, đảm bảo số dư bị hủy phù hợp với số liệu đã đối chiếu với đơn vị SDNS.

Tuyệt đối không thực hiện nhập dự toán cho các đơn vị không thuộc trách nhiệm của KBNN khi không có văn bản hướng dẫn.

- Kiểm tra việc hạch toán trên hệ thống KTKB-AN, QP (an ninh, quốc phòng) đảm bảo số liệu hạch toán trên TABMIS và hệ thống KTKB-AN, QP khớp đúng.

- Kiểm tra, rà soát số liệu trên chương trình TCS: các giao dịch, số liệu phát sinh được xử lý và hạch toán đúng theo quy định, đảm bảo an toàn tiền, tài sản. Trong đó, đặc biệt lưu ý rà soát, kiểm tra việc thực hiện đầy đủ các quy định về xử lý biên lai, giấy nộp tiền vào NSNN bị hủy (theo hướng dẫn tại công văn số 1337/KBNN-KTNN ngày 05/7/2013 của Kho bạc Nhà nước về việc thực hiện quy trình nghiệp vụ thu NSNN). Đối chiếu số liệu với các cơ quan thu, cơ quan ra quyết định trong việc xử lý thu NSNN, kịp thời phát hiện các sai sót để thống nhất điều chỉnh.

- Đối chiếu đảm bảo số dư TK 1381-Thanh toán gốc vay bằng số dư TK 3630 - Phải trả nợ vay dài hạn của NSNN (tương ứng theo từng cấp ngân sách). Rà soát kiểm tra số phát sinh TK 5311- Chênh lệch cân đối thu, chi và nợ vay chờ xử lý đảm bảo đầy đủ, chính xác.

- Kiểm tra việc thực hiện tất toán số liệu cân đối thu - chi NSNN các cấp theo lệnh quyết toán của KBNN cấp trên, trường hợp có sai lệch phải báo cáo về KBNN (Vụ KTNN) để xử lý.

- Thực hiện đối chiếu số liệu với các cơ quan, đơn vị liên quan (CQTC, cơ quan thu, các đơn vị giao dịch, khách hàng, ...) kịp thời phát hiện các sai sót để thống nhất điều chỉnh (nếu có) trước khi khoá sổ kế toán tháng 12/2014. Rà soát các tài khoản phải thu, phải trả, đảm bảo tính đúng đắn của từng món phải thu, phải trả đã hạch toán vào tài khoản, xử lý số dư kịp thời; thực hiện nghiêm túc công tác đối chiếu số dư dự toán, số dư tài khoản tiền gửi với các đơn vị có liên quan.

- Phối hợp với cơ quan Thuế kiểm tra, đối chiếu số liệu hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT), dự toán hoàn thuế GTGT với cơ quan thuế, lưu ý kiểm tra việc hạch toán số chi hoàn thuế GTGT (theo hướng dẫn tại Công văn số 1801/KBNN-KTNN ngày 18/07/2014 của Kho bạc Nhà nước về việc hướng dẫn kế toán chi hoàn thuế GTGT theo Thông tư số 150/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

- Thực hiện đối chiếu số liệu với ngân hàng nơi KBNN mở tài khoản (tài khoản tiền gửi chuyên thu, tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền gửi ngân hàng) theo quy định của quy trình nghiệp vụ thanh toán (thanh toán bù trừ, thanh toán liên ngân hàng, thanh toán song phương điện tử, quy trình phối hợp thu) đảm bảo chính xác, an toàn tiền, tài sản. Đặc biệt cần rà soát đầy đủ mọi số liệu trên sổ chi tiết tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền gửi chuyên thu của KBNN tại NHTM và tại KBNN (đối chiếu sổ chi tiết TABMIS S2-02 tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền gửi chuyên thu với sổ chi tiết điện tử do NHTM gửi; đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền gửi chuyên thu trên sổ chi tiết TABMIS S2-02 với số dư sau quyết toán trên Bảng tổng hợp số liệu TTSP tại KBNN - Mẫu số 07e-TTSPĐT).

- Kiểm tra, rà soát và xử lý các giao dịch dở dang trên hệ thống TABMIS đảm bảo số liệu chính xác khi thực hiện khóa sổ kế toán và quyết toán niên độ năm 2014.

- Phối hợp với CQTC xử lý các khoản tạm vay, tạm ứng chưa đưa vào cân đối NSNN.

- Cuối ngày 31/12/2014 Hội đồng kiểm kê và các cán bộ liên quan thực hiện kiểm kê tiền mặt, giấy tờ có giá, kim khí quý, đá quý trong kho theo đúng quy định tại công văn số 1745/KBNN-KQ ngày 29/9/2009 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, giấy tờ có giá, tài sản quý.

- Đảm bảo một số tài khoản tại thời điểm cuối ngày 31/12 không còn số dư, bao gồm: các tài khoản 1151, 1371, 3121, 3921, 3931, 3932, 3934, 3935, 3936, 3937, 3952, 3953, 3961, 3981, 5431, 5432.

- Sau khi khóa sổ kế toán tháng 12/2014 và tháng 01/2015, các đơn vị KBNN thực hiện kiểm tra, đối chiếu số liệu hạch toán 2014, đảm bảo khớp đúng giữa số liệu chi tiết với số liệu tổng hợp, đối chiếu giữa các báo cáo với nhau. Thực hiện đối chiếu, xác nhận số liệu cho các đơn vị có liên quan:

+ Kiểm tra đối chiếu số liệu thu, chi NSNN với cơ quan thu, cơ quan Tài chính; đối chiếu số liệu sử dụng dự toán với đơn vị sử dụng ngân sách.

+ Thực hiện đối chiếu số liệu thanh toán vốn đầu tư XDCB (chi tiết: số chi, số tạm ứng chuyển sang năm sau, số ứng trước chuyển năm sau theo từng dự án, từng nguồn vốn (nguồn vốn XDCB tập trung, nguồn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên, nguồn vốn đầu tư khác, vốn TPCP, CTMT) giữa bộ phận Kế toán và Kiểm soát chi, kịp thời phát hiện sai sót để điều chỉnh đảm bảo số liệu chính xác khớp đúng.

KBNN (bộ phận kiểm soát chi) thực hiện đối chiếu số liệu thanh toán vốn đầu tư với chủ đầu tư (theo Biểu số 04/ĐC-VĐT đính kèm). Riêng đối với vốn ngoài nước đối chiếu theo hai chỉ tiêu: (i) theo số ghi thu ghi chi và (ii) theo số KBNN kiểm soát xác nhận để chủ dự án giải ngân vốn ngoài nước.

+ Đối với tài khoản tiền gửi, tài khoản dự toán của đơn vị giao dịch, việc đối chiếu thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 17 của Thông tư số 61/2014/TT-

BTC ngày 12/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước trong điều kiện áp dụng Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc.

+ Đối chiếu xác nhận số liệu tài khoản tiền gửi ngân hàng, tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền gửi chuyên thu với ngân hàng nơi KBNN mở TK (theo Biểu số 06A/ĐC-TGNH đính kèm). Tính toán và đối chiếu số lãi tiền gửi, phí thanh toán qua ngân hàng. KBNN tỉnh có trách nhiệm tổng hợp báo cáo số liệu TK tiền gửi ngân hàng (theo Biểu số 06B/TH-TGNH đính kèm) lưu vào hồ sơ quyết toán năm (các trường hợp chênh lệch phải có thuyết minh chi tiết kèm theo).

- Thực hiện đối chiếu số liệu các TK thuộc phạm vi quyết toán vốn KBNN (theo Biểu số 08A,B/ĐC-QTV đính kèm) gửi về KBNN cấp trên, riêng Biểu số 08A/ĐC-QTV gửi về KBNN trước 15/3/2015.

- Các KBNN tham gia Thanh toán song phương điện tử (TTSPĐT) thực hiện kiểm tra, rà soát, đối chiếu số liệu kế toán và số liệu thanh toán trên ứng dụng TTSPDDT về số quyết toán TTSPĐT và tất toán tài khoản thu hộ chỉ hộ.

- Để đảm bảo số chứng từ thu NSNN qua phối hợp thu và trên hệ thống thu thuế trực tiếp (TCS) không bị trùng lặp (giữa các năm), trước khi thực hiện giao dịch vào ngày 05/01/2015 các đơn vị KBNN thực hiện đổi ký hiệu chứng từ và biên lai thu (hướng dẫn NHTM phối hợp thu cùng đồng thời thực hiện).

II. Một số nội dung về công tác khóa sổ và quyết toán ngân sách nhà nước năm 2014

1. Chuyển số dư sang đầu năm sau trên TABMIS

- Thời điểm hết ngày 31/12/2014, các đơn vị KBNN thực hiện chạy chương trình “Tính toán cân đối thu chi cho năm ngân sách” cho từng cấp ngân sách, số chênh lệch thu, chi của từng cấp ngân sách được phản ánh trên TK 5511 - Cân đối thu chi. Sau khi chạy chương trình “Tính toán cân đối thu chi cho năm ngân sách”, hệ thống tự động xác định chênh lệch thu chi và hạch toán bút toán cân đối thu chi.

- Sau ngày 31/12/2014, được hệ thống tự động chuyển số dư các tài khoản sang ngày 01/01/2015, cụ thể như sau:

+ Số dư của các tài khoản loại 1 sẽ được chuyển sang năm sau, chi tiết theo tài khoản tương ứng (trong đó số dư của các tài khoản tạm ứng, ứng trước (loại 1) chuyển sang năm sau theo quy trình chuyển nguồn).

+ Số dư của các tài khoản loại 2, loại 3, loại 5 sẽ được chuyển sang năm sau, chi tiết theo tài khoản tương ứng.

+ Số dư của tài khoản loại 7, loại 8 không được chuyển sang năm sau sẽ bằng không (0) vào đầu năm sau.

+ Số dư của tài khoản dự toán (loại 9) được chuyển sang năm sau theo chương trình chuyển nguồn.

+ Số dư của tài khoản (loại 9 - nhóm 99) - “Tài sản không trong cân đối tài khoản” được chuyển sang năm sau, chi tiết theo tài khoản tương ứng.

- Tổ chức đối chiếu đảm bảo khớp đúng theo từng tài khoản chi tiết và tổng số số dư Nợ, dư Có cuối ngày 31/12 với từng tài khoản chi tiết và tổng số số dư Nợ, dư Có đầu ngày 01/01 năm sau; nếu chênh lệch phải tìm rõ nguyên nhân để xử lý. Đặc biệt lưu ý số dư của TK 5511 phải bằng đúng với chênh lệch thực thu, thực chi của năm 2014 theo từng cấp ngân sách, trường hợp sau thời điểm 31/12/2014 nếu có phát sinh thu, chi NS các cấp, đề nghị lưu ý thực hiện việc tính toán lại cân đối thu, chi theo từng cấp NS có phát sinh mới.

2. Nguyên tắc khóa sổ kế toán và xử lý kinh phí cuối năm 2014

2.1. Thời gian khóa sổ kế toán

2.1.1. Thời gian khóa sổ kế toán năm 2014 được thực hiện vào cuối giờ làm việc ngày 31/12/2014.

Ngày 27/12/2014 (thứ 7) các đơn vị hoạt động như ngày làm việc bình thường, theo lịch làm bù cho dịp nghỉ tết dương lịch 2015.

2.1.2. Khóa sổ thanh toán tại các đơn vị KBNN

a. Thanh toán song phương điện tử và phối hợp thu giữa KBNN và Ngân hàng thương mại:

Đối với các đơn vị KBNN đã triển khai Thanh toán song phương điện tử và Phối hợp thu, các giao dịch thanh toán song phương phải được truyền nhận và xử lý kịp thời; riêng ngày 31/12/2014, giờ “cut off time” là 20h15 phút, giờ đối chiếu giữa KBNN và NHTM là 20h30 phút, đảm bảo công tác quyết toán thanh toán song phương điện tử tại NHTM và KBNN, quyết toán thu hộ chi hộ thanh toán song phương điện tử tại KBNN cấp huyện thực hiện đầy đủ, chính xác ngay trong ngày 31/12/2014. Đối chiếu số liệu trên sổ chi tiết với NHTM; kiểm tra, rà soát và xử lý kịp thời các chênh lệch, sai lầm, các khoản chờ xử lý (nếu có) trên các tài khoản liên quan.

Trường hợp có quy định khác về thời gian giao dịch ngày 31/12/2014 và những ngày cuối năm, KBNN sẽ có thông báo sau.

Các đơn vị KBNN có nhu cầu kéo dài giờ “cut off time” để đảm bảo giao dịch thanh toán cần thống nhất với chi nhánh NHTM nơi mở tài khoản và báo về KBNN (Phòng thanh toán – Vụ Kế toán Nhà nước) trước thời điểm “cut off time” chậm nhất là 30 phút.

Đối với các đơn vị KBNN có quan hệ Thanh toán song phương qua tài khoản tiền gửi thanh toán với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NHNN và PTNT); trường hợp tại một thời điểm số phát sinh chi lớn hơn số dư tài khoản, có thể đề nghị quyết toán tạm trước thời điểm quyết toán cuối ngày để tiếp tục thực hiện thanh toán, song phải đảm bảo tổng số quyết toán chi các lần trong ngày bằng tổng số phát sinh chi trong ngày. Việc quyết toán xử lý thấu chi tài khoản cần thực hiện trước giờ “cut off time” để NHNN và PTNT có đủ số dư

trích chuyển và kịp thời gian thanh toán trong trường hợp chuyển tiếp đến ngân hàng khác

Việc xử lý đối chiếu trên ứng dụng thanh toán song phương điện tử và phối hợp thu, hạch toán kết quả quyết toán thu, quyết toán chi cuối ngày do Ngân hàng thương mại nơi đơn vị KBNN mở tài khoản gửi được thực hiện ngay trong ngày 31/12/2014. Chậm nhất ngày làm việc đầu tiên của tháng 01/2015, đơn vị KBNN thực hiện tất toán tài khoản thu hộ chi hộ thanh toán song phương về SGD KBNN qua TTLKB.

Việc thanh toán lãi và phí chuyển tiền qua tài khoản tiền gửi, tiền gửi chuyên thu, tiền gửi thanh toán của tháng 12/2014 được thực hiện theo định kỳ hàng tháng đối với từng hệ thống NHTM. Trường hợp ngân hàng không tính lãi và phí thanh toán đến hết ngày 31/12 thì lãi và phí chuyển tiền của các ngày còn lại của tháng 12/2014 được thanh toán và hạch toán kế toán theo định kỳ của tháng 01/2015.

b. Thanh toán điện tử Liên ngân hàng (TTLNH)

- Thời điểm các đơn vị ngừng gửi Lệnh thanh toán và thời điểm thực hiện đối chiếu Thanh toán điện tử liên ngân hàng cuối ngày do Ngân hàng Nhà nước quy định, các đơn vị KBNN phải đảm bảo chủ động xử lý kịp thời các giao dịch thanh toán đi, đến trong ngày.

- Việc xử lý đối chiếu TTLNH trên ứng dụng CITAD, đối chiếu nội bộ trong hệ thống KBNN trên Chương trình Giao diện, hạch toán kết quả quyết toán cuối ngày do Ngân hàng Nhà nước gửi phải được thực hiện ngay trong ngày 31/12/2014. Chậm nhất ngày làm việc đầu tiên của tháng 01/2015, đơn vị KBNN thực hiện tất toán tài khoản thu hộ chi hộ TTLNH về SGD KBNN qua TTLKB.

c. Khóa sổ Thanh toán điện tử Liên kho bạc

- Thời gian kết thúc việc chuyển tiền đi ngoại tỉnh của Trung tâm thanh toán tỉnh là 21h45 phút ngày 31/12/2014.

Thời gian thực hiện công tác đối chiếu ngoại tỉnh giữa Trung tâm thanh toán toàn quốc và các Trung tâm thanh toán tỉnh là 22h ngày 31/12/2014. Các đơn vị KBNN cần lưu ý giờ đối chiếu giữa Trung tâm thanh toán toàn quốc và Trung tâm thanh toán tỉnh để đảm bảo các lệnh thanh toán đi trước và trong ngày 31/12/2014 sẽ được chuyển hết đến Kho bạc B trong ngày 31/12/2014.

- Thời gian truyền, nhận các Lệnh thanh toán nội tỉnh do các Trung tâm thanh toán tỉnh quyết định, song phải đáp ứng được công tác truyền tin, đối chiếu nội tỉnh và khóa sổ kế toán theo quy định chung của hệ thống.

- Các lệnh thanh toán đến chờ xử lý của năm 2014 phải được xử lý dứt điểm, kịp thời.

- Cuối ngày 31/12/2014, các KBNN kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu kế toán, thanh toán LKB đi, đến và báo kết quả đối chiếu về KBNN (theo địa chỉ email: Phongthanhtoandientukbtw@vst.gov.vn):

+ Các đơn vị KBNN đối chiếu tổng số Lệnh thanh toán đi và đến với tài khoản liên kho bạc đi (TK 3851, 3861) và tài khoản liên kho bạc đến (TK 3854, 3864).

+ Tại các trung tâm thanh toán tỉnh, tài khoản liên kho bạc đi nội tỉnh (TK 3851) phải bằng tài khoản liên kho bạc đến nội tỉnh (TK 3854) trên toàn địa bàn.

+ Tại trung tâm thanh toán toàn quốc, tài khoản liên kho bạc đi ngoại tỉnh phải bằng tài khoản liên kho bạc đến ngoại tỉnh trên toàn quốc.

- Thời gian bắt đầu ngày thanh toán điện tử đầu tiên năm 2015 là 08h00 ngày 05/01/2015.

- Sang ngày làm việc đầu tiên của năm 2015, toàn bộ số dư đến hết 31/12/2014 tài khoản thanh toán liên kho bạc năm nay được hạch toán chuyển sang tài khoản thanh toán liên kho bạc năm trước.

- Lập báo cáo đối chiếu số liệu thanh toán, kế toán liên kho bạc năm 2014 (theo Biểu số 07/BCĐC-LKB kèm theo) và gửi về KBNN (Phòng Thanh toán – Vụ KTNN) chậm nhất ngày 10/01/2015.

d. Đối với Thanh toán bù trừ điện tử và thanh toán qua tài khoản tiền gửi

Thời gian kết thúc phiên thanh toán cuối cùng (thanh toán bù trừ điện tử, thanh toán qua tài khoản tiền gửi ngân hàng) do Ngân hàng nhà nước tỉnh quy định hoặc các đơn vị KBNN và ngân hàng thương mại thống nhất, song phải đảm bảo các chứng từ báo Nợ, báo Có nhận và chuyển đi ngân hàng được hạch toán đầy đủ, kịp thời.

2.2. Thời hạn chi, tạm ứng, đề nghị cam kết chi ngân sách

2.2.1. Nguyên tắc chung:

Thực hiện theo Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán NSNN hàng năm.

Trường hợp kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG), dự án, đề án và nhiệm vụ khác có văn bản hướng dẫn về thời gian thực hiện và thanh toán thì thực hiện theo quy định tại văn bản đó.

2.2.2. Thời hạn chi, tạm ứng ngân sách

Thời hạn chi, tạm ứng ngân sách (bao gồm cả chi đầu tư xây dựng cơ bản và chi thường xuyên) đối với nhiệm vụ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2014 được thực hiện chậm nhất đến hết ngày 31/12/2014. Thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ, chứng từ rút dự toán chi ngân sách, tạm ứng ngân sách đến KBNN nơi giao dịch chậm nhất đến hết ngày 30/12/2014. Không thực hiện tạm ứng ngân sách năm 2014 (cả chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) trong thời gian chỉnh lý quyết toán (trừ việc chi đầu tư phát triển từ nguồn ứng trước, các trường hợp được phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán vốn XDCB theo văn bản của các cấp có thẩm quyền và tạm ứng vốn đền bù giải phóng mặt bằng được thực hiện đến hết ngày

31/01/2015 theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính).

Trường hợp các khoản chi NSNN đã có khối lượng, công việc thực hiện đến hết ngày 31/12/2014 (cả chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên), thì thời hạn chi ngân sách được thực hiện đến hết ngày 31/01/2015; thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ, chứng từ chi ngân sách (kể cả thanh toán các khoản tạm ứng), đề nghị cam kết chi, điều chỉnh cam kết chi (đối với đề nghị cam kết chi cho hợp đồng thực hiện trước ngày 30/12 và đề nghị cam kết chi cho trường hợp thực chi trong thời gian chỉnh lý quyết toán) theo chế độ quy định đến KBNN giao dịch chậm nhất đến hết ngày 26/01/2015. Thời hạn chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới được thực hiện đến hết ngày 26/01/2015.

2.2.3. Các trường hợp cụ thể được phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán vốn XDCCB (gồm cả vốn tập trung và vốn trái phiếu chính phủ) thuộc kế hoạch năm 2014 và các trường hợp kéo dài thời gian thực hiện vốn ứng trước của các dự án được quy định tại Công văn số 3267/KBNN-KSC ngày 17/12/2014 của Kho bạc Nhà nước về việc kiểm soát chi NSNN cuối năm 2014 và đầu năm 2015.

2.3. Xử lý số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị sử dụng ngân sách tại KBNN

2.3.1. Đối với số dư tài khoản tiền gửi thuộc Quỹ bảo trì đường bộ

Đến hết ngày 31/12/2014, số dư tài khoản tiền gửi thuộc Quỹ bảo trì đường bộ TW và Quỹ bảo trì đường bộ địa phương được chuyển sang năm sau sử dụng theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 230/2012/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/12/2012 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ.

2.3.2. Đối với số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị sử dụng ngân sách tại KBNN

Đến hết ngày 31/12/2014 số dư tài khoản tiền gửi đơn vị sử dụng ngân sách thuộc kinh phí ngân sách năm 2014 được thực hiện theo quy định tại điểm 2, mục I, Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính. Phương pháp hạch toán thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 388/KBNN-KTNN ngày 01/3/2013 của KBNN về việc hướng dẫn thực hiện KTNN áp dụng cho hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS). Trường hợp số dư tài khoản tiền gửi được chuyển năm sau thuộc kinh phí không phải xét chuyển thực hiện đối chiếu với KBNN (theo Biểu số 01/ĐVDT đính kèm), KBNN thực hiện tổng hợp số liệu (theo Biểu số 09/BC-TGDT đính kèm) làm căn cứ hạch toán giảm chi theo quy định hoặc gửi về KBNN cấp trên nếu là nộp giảm ngân sách cấp trên.

Lưu ý:

Riêng đối với trường hợp số dư tài khoản tiền gửi phải nộp trả NSNN cấp

trên nhưng chưa xác định được nội dung, chi tiết mục lục NSNN để ghi giảm chi thì kế toán KBNN hạch toán vào TK 3591- Các khoản tạm thu khác, sau đó:

- Đối với NS tỉnh: KBNN tỉnh tổng hợp các khoản tiền đã hạch toán chi tiết trên tài khoản 3591 - Các khoản tạm thu khác kèm theo chứng từ gửi Sở Tài chính để phân tích nội dung các khoản phải nộp NSNN. Căn cứ đề nghị của Sở Tài chính về chi tiết mục lục NSNN, kế toán hạch toán giảm chi Ngân sách tỉnh.

- Đối với NSTW: Sở Giao dịch KBNN tổng hợp các khoản tiền đã hạch toán chi tiết trên tài khoản 3591- Các khoản tạm thu khác kèm theo chứng từ gửi Vụ NSNN (Bộ Tài chính) để phân tích nội dung các khoản phải nộp NSNN. Căn cứ đề nghị của Vụ NSNN (chi tiết Mục lục NSNN), kế toán thực hiện hạch toán giảm chi NSTW.

2.4. Xử lý số dư tạm ứng ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách

2.4.1. Số dư tạm ứng từ dự toán giao trong năm

Thực hiện theo quy định tại điểm 5 phần I Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 về việc hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán NSNN hàng năm và hướng dẫn xử lý cuối kỳ tại chương XIV công văn số 388/KBNN-KTNN ngày 01/3/2013 của KBNN.

Hết ngày 15/03/2015, các trường hợp không có sự chấp nhận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho chuyển số dư tạm ứng sang ngân sách năm sau, KBNN thực hiện thu hồi tạm ứng bằng cách ghi giảm tạm ứng ngân sách năm trước; đồng thời ghi tạm ứng theo Loại, Khoản tương ứng thuộc dự toán ngân sách năm sau giao cho đơn vị, nếu dự toán ngân sách năm sau không bố trí hoặc bố trí ít hơn số phải thu hồi tạm ứng, KBNN thông báo cho cơ quan tài chính cùng cấp để có biện pháp xử lý.

2.4.2. Số dư tạm ứng trên các tài khoản tạm ứng không kiểm soát dự toán chuyển sang năm sau

Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu giữa CQTC và KBNN cùng cấp về số dư các tài khoản tạm ứng chi ngân sách không kiểm soát dự toán năm 2014 đến hết ngày 31/01/2015, căn cứ vào Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách của CQTC về việc chuyển số dư tạm ứng không kiểm soát dự toán sang năm sau tiếp tục theo dõi và thu hồi, kế toán KBNN ghi:

Tại kỳ 13/2014, trên phân hệ quản lý sổ cái GL:

Nợ TK 1460, 1631, 1817, 1857, 1994

Có TK 1410, 1531, 1717, 1757, 1984

Tại kỳ hiện tại 2015, trên phân hệ quản lý sổ cái GL:

Nợ TK 1410, 1531, 1717, 1757, 1984

Có TK 1460, 1631, 1817, 1857, 1994

2.5. Xử lý số dư ứng trước (bao gồm cả kinh phí thường xuyên và đầu tư) của đơn vị sử dụng ngân sách

Thời điểm hết ngày 31/12/2014, số dư trên các tài khoản ứng trước dự toán của các đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép ứng trước dự toán ngân sách năm sau, được chuyển sang tài khoản ứng trước dự toán năm 2015 theo dõi tiếp. KBNN các cấp thực hiện chuyển số dư ứng trước sang năm sau theo quy định.

Khi có dự toán chính thức, KBNN thực hiện chuyển sang TK tạm ứng hoặc thực chi và hủy dự toán ứng trước tương ứng.

2.5.1. Đối với số ứng trước theo dự toán

KBNN các cấp thực hiện các bước chuyển số dư sang năm sau trên hệ thống TABMIS theo hướng dẫn xử lý cuối kỳ tại chương XIV công văn số 388/KBNN-KTNN ngày 01/3/2013 của KBNN.

2.5.2. Đối với số dư ứng trước trên các tài khoản không kiểm soát dự toán chuyển sang năm sau

Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu giữa CQTC và KBNN, Kế toán KBNN căn cứ vào Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách của CQTC, ghi:

Tại kỳ tháng 13 năm 2014, trên phân hệ quản lý sổ cái GL:

Nợ TK 1698, 1837, 1898, 1999

Có TK 1598, 1737, 1798, 1989

Tại kỳ hiện tại 2015, trên phân hệ quản lý sổ cái GL:

Nợ TK 1598, 1737, 1798, 1989

Có TK 1698, 1837, 1898, 1999

2.6. Xử lý số dư cam kết chi tại KBNN các cấp

2.6.1. Xử lý các khoản cam kết chi từ dự toán ứng trước

Các khoản cam kết chi từ dự toán ứng trước, số dư chưa thanh toán của các khoản cam kết chi đến hết 31/12/2014 được chuyển sang năm sau để thanh toán tiếp đến hết ngày 31/01/2015 và thực hiện như sau:

- Thời điểm 31/12/2014

Hết ngày 31/12/2014, KBNN thực hiện chuyển nguồn số dư cam kết chi và dự toán ứng trước tương ứng sẽ được chuyển sang năm sau (theo hướng dẫn xử lý cuối kỳ tại chương XIV công văn số 388/KBNN-KTNN ngày 01/3/2013 của KBNN).

- Thời điểm 31/01/2015

Hết ngày 31/01/2015, số dư cam kết chi từ dự toán ứng trước chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết không được chi tiếp và bị hủy bỏ; trừ các trường

hợp được Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với ngân sách trung ương), Chủ tịch Ủy ban nhân dân (đối với ngân sách địa phương) quyết định cho kéo dài.

Đến hết ngày 15/3/2015, căn cứ kết quả đối chiếu số dư cam kết chi từ dự toán ứng trước còn lại đối với đơn vị sử dụng ngân sách và CQTC, KBNN thực hiện hủy bỏ, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thanh toán.

2.6.2. Xử lý các khoản cam kết chi từ dự toán chi được giao trong năm

Về nguyên tắc các khoản đã cam kết chi thuộc năm ngân sách nào chỉ được chi trong năm ngân sách đó, thời hạn thanh toán đối với các khoản đã cam kết chi phù hợp với thời hạn chi quy định đối với các khoản chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Sau ngày 31/12/2014, số dư cam kết chi còn lại được tiếp tục thanh toán đến hết ngày 31/01/2015 cho các nhiệm vụ đã có khối lượng, công việc thực hiện đến ngày 31/12/2014.

- Đến hết ngày 31/01/2015, số cam kết chi chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết phải bị hủy bỏ, trừ các trường hợp sau:

+ Đối với số dư dự toán được chuyển sang năm sau chi tiếp theo chế độ quy định (cơ quan nhà nước có thẩm quyền không phải xét chuyển): KBNN thực hiện chuyển dự toán cùng với chuyển cam kết chi của đơn vị sang năm sau để theo dõi, quản lý và thanh toán tiếp.

+ Đối với số dư dự toán được phép chuyển sang năm sau chi tiếp theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với ngân sách Trung ương), Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc thủ trưởng CQTC được ủy quyền (đối với ngân sách địa phương): Căn cứ quyết định cho phép chuyển số dư dự toán sang năm sau chi tiếp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, KBNN thực hiện chuyển cam kết chi của đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư sang năm sau để theo dõi, quản lý và thanh toán tiếp.

Việc chuyển cam kết chi sang năm sau thực hiện theo hướng dẫn xử lý cuối kỳ tại Chương XIV Công văn số 388/KBNN-KTNN ngày 01/3/2013 của KBNN.

2.7. Xử lý số dư dự toán (bao gồm kinh phí thường xuyên, kinh phí đầu tư, kinh phí ủy quyền)

2.7.1. Trách nhiệm xử lý số dư dự toán cấp 0, 1, 2, 3 trên TABMIS

- Trách nhiệm xử lý số liệu dự toán NSTW trên TABMIS thực hiện theo quy định tại Công văn số 8859/BTC-KBNN ngày 09/7/2013 của Bộ Tài chính.

- Trách nhiệm xử lý số liệu dự toán NSDP trên TABMIS thực hiện theo quy định tại Công văn số 8858/BTC-KBNN ngày 09/7/2013 của Bộ Tài chính.

2.7.2. Xử lý số dư dự toán của đơn vị sử dụng ngân sách (dự toán cấp 4) tại KBNN

a. Dự toán giao trong năm

- Dự toán ngân sách giao cho đơn vị chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết sau ngày 31/12/2014 được đề tiếp tục thanh toán hết ngày 31/01/2015 cho các nhiệm vụ đã có khối lượng, công việc thực hiện đến ngày 31/12/2014 và hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm 2014.

- Số dư dự toán của đơn vị sử dụng ngân sách đến hết ngày 31/01/2015 bị hủy bỏ, trừ các trường hợp được xem xét xét chuyển và đương nhiên được chuyển quy định tại Tiết a, b Điểm 3, Mục I Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập báo cáo quyết toán NSNN hàng năm. Trong đó lưu ý:

Đối với các khoản kinh phí bị hủy bỏ, sau khi đối chiếu khớp đúng với đơn vị sử dụng ngân sách, KBNN nơi giao dịch thực hiện hủy bỏ trên hệ thống theo quy định.

- Đối với các khoản kinh phí được chuyển sang ngân sách năm sau chi tiếp theo chế độ quy định (quy định tại Tiết b Điểm 3, Mục I Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán NSNN hàng năm), đến hết ngày 31/01/2015, các đơn vị KBNN thực hiện đối chiếu và xác nhận số dư dự toán còn lại đến hết ngày 31/01/2015 (Biểu số 03/ĐVDT). Căn cứ kết quả đối chiếu số dư dự toán, KBNN nơi giao dịch có trách nhiệm lập chứng từ và thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách (cho cả 4 cấp NS) sang năm 2015 trên hệ thống TABMIS theo quy định.

- Đối với số dư dự toán, dư tạm ứng kinh phí đề nghị xét chuyển sang năm sau: Đơn vị sử dụng ngân sách lập báo cáo gửi cơ quan có thẩm quyền có xác nhận của KBNN (Biểu số 02A,B/DVDT đính kèm). Căn cứ văn bản chấp nhận của cơ quan có thẩm quyền, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch có trách nhiệm lập chứng từ và thực hiện chuyển nguồn theo quy định.

- Số dư dự toán còn lại: Cuối ngày 15/3/2015 các đơn vị KBNN thực hiện hủy bỏ toàn bộ tại kỳ 13/2014.

b. Dự toán ứng trước

(1) Thời điểm 31/12/2014

- Đến hết ngày 31/12/2014, căn cứ kết quả đối chiếu số dư dự toán ứng trước còn lại đối với đơn vị sử dụng ngân sách và CQTC, KBNN thực hiện chương trình chuyển nguồn dự toán ứng trước trên hệ thống TABMIS theo quy định.

(2) Thời điểm 31/01/2015

Hết ngày 31/01/2015, số dự toán ứng trước đã giao cho các dự án chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết không được chi tiếp và bị huỷ bỏ; trừ các trường hợp được Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với ngân sách trung ương), Chủ tịch Ủy ban nhân dân (đối với ngân sách địa phương) quyết định cho kéo dài. Các trường hợp thuộc diện được xem xét, quyết định cho kéo dài sang năm sau theo quy định tại điểm a, mục 3, khoản I Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm và sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Đến hết ngày 15/3/2015, căn cứ kết quả đối chiếu số dự toán ứng trước còn lại đối với đơn vị sử dụng ngân sách và CQTC, KBNN thực hiện huỷ bỏ dự toán theo quy định, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thanh toán.

3. Về thực hiện chuyển nguồn

3.1. Chứng từ làm căn cứ hạch toán chuyển nguồn

- Chứng từ làm căn cứ hạch toán chi chuyển nguồn thực hiện theo quy định tại mục II, chương XIV công văn số 388/KBNN-KTNN ngày 01/3/2013 của KBNN về việc hướng dẫn thực hiện KTNN áp dụng cho TABMIS; được lập trên cơ sở các tài liệu sau:

+ Bảng kê xác nhận số liệu vốn đầu tư XD CB chuyển nguồn do bộ phận kiểm soát chi lập gửi bộ phận kế toán (theo Biểu số 10/ĐC-CNĐT- Bảng đối chiếu số liệu chuyển nguồn vốn đầu tư).

+ Báo cáo tài chính “R0 FA Summary _TABMS số dự toán”, Báo cáo tài chính “Số dư tài khoản _ Báo cáo số dư tài khoản” khớp đúng với Bảng cân đối tài khoản tổng hợp I. Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại Kho bạc.

+ Tình hình thực hiện dự toán kinh phí được chuyển sang năm sau theo chế độ quy định, không phải xét chuyển (theo Biểu số 03A/ĐVDT đối với chi thường xuyên, Biểu số 03B/ĐVDT đối với chi đầu tư XD CB đính kèm).

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền (đối với kinh phí được xét chuyển theo quyết định của cấp có thẩm quyền).

- Sau khi đối chiếu, xác nhận số liệu chuyển nguồn giữa các đơn vị có liên quan, trách nhiệm xử lý các quy trình chuyển nguồn cuối năm trên hệ thống TABMIS (đối với số dự toán, tạm ứng, ứng trước, số dư CKC) do Phòng (bộ phận) kế toán thực hiện. Trường hợp Phòng (bộ phận) kiểm soát chi đảm bảo thực hiện việc xử lý chuyển nguồn đối với các khoản chuyển nguồn thuộc kinh phí chi đầu tư thì Thủ trưởng đơn vị có thể giao nhiệm vụ cho Phòng (bộ phận) kiểm soát chi thực hiện chuyển nguồn đối với kinh phí chi đầu tư. Sau khi thực hiện các bước chuyển nguồn theo quy định, phải đối chiếu số liệu đảm bảo chính xác và khớp đúng.

- Toàn bộ chứng từ làm căn cứ hạch toán chi chuyển nguồn và các tài liệu kèm theo được lưu trong tập chứng từ kế toán ngày; Trường hợp Phòng (bộ phận) kiểm soát chi thực hiện việc xử lý chuyển nguồn đối với các khoản

chuyển nguồn thuộc kinh phí chi đầu tư thì được sắp xếp, đánh số, đóng lưu theo liệt kê chứng từ ngày như chứng từ kế toán và lưu tại Phòng (bộ phận) kiểm soát chi của các đơn vị KBNN.

Lưu ý: Việc lập chứng từ lưu cho từng bút toán chuyển nguồn cam kết chi do các đơn vị KBNN lập, không do đơn vị lập (thay thế quy định đơn vị lập chứng từ chuyển nguồn cam kết chi tại điểm 1, mục II, chương XIX, phụ lục IV, công văn số 388/KBNN-KTNN ngày 01/3/2014 về việc hướng dẫn thực hiện KTNN áp dụng cho Hệ thống quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS).

3.2. Về việc thực hiện các chương trình trên hệ thống TABMIS

Các đơn vị cần nghiêm túc thực hiện các quy trình hệ thống (nêu trong Phụ lục số 02- Một số điểm lưu ý về việc thực hiện các chương trình hệ thống kèm theo).

Lưu ý: Trong thời gian chính lý (từ 01/01/2015 đến 31/01/2015) nếu có phát sinh các trường hợp thuộc diện được xem xét, quyết định cho phép kéo dài sang năm sau (đối với dự toán giao trong năm) theo quyết định của cấp có thẩm quyền, KBNN thực hiện chương trình chuyển nguồn trên hệ thống TABMIS theo các quyết định đó.

4. Một số nội dung lưu ý

- Đối với chi thường xuyên, việc kiểm soát chi NSNN thực hiện theo Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 13/08/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều hành nhiệm vụ tài chính ngân sách nhà nước những tháng cuối năm 2014 và hướng dẫn tại công văn số 14480/BTC-HCSN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính. Trường hợp qua rà soát, các Bộ, cơ quan trung ương, các địa phương có phương án điều chỉnh, cắt giảm chi theo Chỉ thị 25/CT-TTg, thì đăng ký gửi KBNN để thực hiện kiểm soát chi ngân sách Nhà nước. Trường hợp đơn vị không gửi thì KBNN được phép tiếp tục kiểm soát chi cho đơn vị theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo các quy định hiện hành.

- Xử lý dự toán hoàn thuế GTGT cuối năm (bao gồm cả dự toán giao trong năm và dự toán ứng trước): Số dư dự toán hoàn thuế cuối năm không được sử dụng cho năm tiếp theo, thời hạn chi dự toán hoàn thuế GTGT là hết ngày 31/01 năm sau cho các quyết định hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền đã ký đến ngày 31/12 năm trước, phần dự toán còn lại không được chi tiếp và bị hủy bỏ. Thời điểm xử lý cuối năm trên TABMIS: 31/12/2014 đối với dự toán ứng trước hoàn thuế GTGT, 31/01/2015 đối với dự toán hoàn thuế GTGT giao trong năm.

- Việc xử lý ngân sách cuối năm đối với nguồn kinh phí của ngành Thuế, Hải quan thực hiện theo hướng dẫn Thông tư số 59/2011/TT-BTC ngày 12/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Hải Quan, Tổng cục Thuế giai đoạn 2011-2015, công văn số 1565/BTC-HCSN ngày 29/01/2013 của Bộ Tài chính về việc xử lý cuối năm của Tổng cục Hải Quan, Tổng cục Thuế.

- Về kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia theo Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 88/2011/TT-BTC ngày 17/06/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình XTMM quốc gia quy định: Kinh phí xúc tiến thương mại quốc gia do ngân sách cấp chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch, sau khi có thông báo của Bộ Tài chính được bổ sung để sử dụng trong năm tiếp theo.

- Hết ngày 31/12/2014 số dư các tài khoản Thanh toán vốn và tài khoản Thanh toán liên kho bạc (thuộc nhóm tài khoản 3800) được chuyển sang năm sau, khi mở sổ đầu năm cần thực hiện điều chỉnh toàn bộ số dư đầu năm của tài khoản năm nay (số dư cuối kỳ năm trước chuyển sang) sang tài khoản năm trước.

- Lưu ý xử lý kịp thời số dư các tài khoản tạm ứng, ứng trước trung gian sau khi chuyển tạm ứng, ứng trước sang năm sau, không để tài khoản này có số dư.

- Để đảm bảo tính đồng bộ về số liệu giữa KBNN các cấp, các KBNN tỉnh, thành phố chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc điều chỉnh số liệu quá khứ theo quy định tại các văn bản hiện hành. Trường hợp đặc biệt, số liệu kế toán của kỳ kế toán đã đóng nhưng cần phải điều chỉnh số liệu vào đúng kỳ đã báo cáo, các KBNN tỉnh, thành phố phải báo cáo bằng văn bản về KBNN và phải được sự chấp thuận của KBNN trước khi thực hiện điều chỉnh.

- Lưu ý việc hạch toán theo dõi mã nguồn vốn chi đầu tư XDCCB theo công văn số 2873/KBNN-KTNN ngày 23/12/2013 của Kho bạc Nhà nước về việc hướng dẫn hạch toán bổ sung chi đầu tư XDCCB, đặc biệt lưu ý việc hạch toán tính chất nguồn 43 - Vốn đầu tư XDCCB thuộc nguồn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên phải phù hợp với tổng nguồn nhận được từ NS cấp trên.

- Việc đối chiếu số liệu thu, chi chuyển giao NSNN thực hiện theo hướng dẫn tại Biểu số 11A/ĐC- BSNS và Biểu số 11B/ĐC- BSNS đính kèm.

- Thực hiện điều chỉnh số đã thanh toán hoàn thuế GTGT phát sinh trên tài khoản 1371 (số dư Nợ TK 1371) và số thuế GTGT hoàn trả thừa trên tài khoản 3121 (số dư Có TK 3121) từ ngày 01/01/2014 đến thời điểm thực hiện điều chỉnh (theo hướng dẫn tại Công văn số 1801/KBNN-KTNN ngày 18/7/2014 của Kho bạc Nhà nước).

5. Danh mục báo cáo quyết toán

CQTC và KBNN các cấp thực hiện lập, gửi báo cáo quyết toán năm theo

quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013 và các biểu báo cáo theo Phụ lục đính kèm công văn này.

III. Tổ chức thực hiện

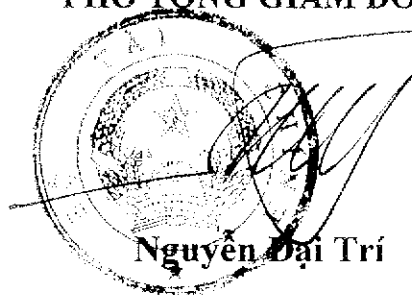
Thủ trưởng CQTC và KBNN các cấp có trách nhiệm nghiên cứu nội dung hướng dẫn trên đây và các văn bản khác quy định chế độ khóa sổ quyết toán NSNN đã ban hành để triển khai, tổ chức thực hiện khóa sổ và quyết toán ngân sách năm 2014 đảm bảo an toàn và chính xác, chịu trách nhiệm phổ biến nội dung đến các đơn vị, cá nhân có liên quan về công tác khóa sổ và quyết toán ngân sách năm 2014. Trường hợp có vướng mắc trong công tác phối hợp để đảm bảo thực hiện khóa sổ theo đúng quy trình nghiệp vụ, cần trao đổi, thống nhất giữa CQTC và KBNN để tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, thống nhất giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KBNN.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC KHO BẠC NHÀ NƯỚC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phụ lục 01**DANH MỤC MẪU BIỂU QUYẾT TOÁN 2013**

(Kèm theo công văn số ~~1852~~ **1852** /BTC-KBNN ngày ~~13~~ **12** tháng ~~12~~ năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Mẫu số	Tên mẫu biểu
1	01/ĐVDT	Số dư TK. tiền gửi kinh phí NS cấp của đơn vị được chuyển sang năm sau (không phải xét) thuộc ngân sách TW (tỉnh, huyện) niên độ...
2	02A/ĐVDT	Báo cáo số dư dự toán, dư tạm ứng kinh phí thường xuyên ngân sách năm... đề nghị xét chuyển sang năm sau
3	02B/ĐVDT	Báo cáo số dư dự toán, dư tạm ứng kinh phí đầu tư XDCB ngân sách năm... đề nghị xét chuyển sang năm sau
4	03A/ĐVDT	Tình hình thực hiện dự toán kinh phí thường xuyên của các nhiệm vụ được chuyển sang năm sau (không phải xét chuyển) của ngân sách TW (tỉnh, huyện) theo hình thức rút dự toán niên độ...
5	03B/ĐVDT	Tình hình thực hiện dự toán kinh phí đầu tư XDCB của các nhiệm vụ được chuyển sang năm sau (không phải xét chuyển) của ngân sách TW (tỉnh, huyện) theo hình thức rút dự toán niên độ...
6	04/ĐC-VDT	Bảng xác nhận tình hình sử dụng vốn đầu tư XDCB tại KBNN niên độ ngân sách năm...
7	05/ĐCSDTK/KBNN	Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại KBNN
8	06A/ĐC-TGNH	Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng
9	06B/TH-TGNH	Bảng tổng hợp số liệu tài khoản tiền gửi ngân hàng năm...
10	07/BCĐC-LKB	Báo cáo đối chiếu số liệu thanh toán- kế toán LKB
11	08A/ĐC-QTV	Bảng đối chiếu số liệu các tài khoản thuộc phạm vi quyết toán vốn KBNN – Giữa KBNN và KBNN tỉnh
12	08B/ĐC-QTV	Bảng đối chiếu số liệu các tài khoản thuộc phạm vi quyết toán vốn KBNN – Giữa tỉnh và KBNN huyện
13	09/BC-TGDT	Báo cáo tổng hợp tài khoản tiền gửi kinh phí ngân sách cấp được chuyển sang năm sau (không phải xét) thuộc ngân sách TW (tỉnh, huyện) niên độ...
14	10/ĐC-CNĐT	Bảng đối chiếu số liệu chuyển nguồn đầu tư
15	11/A.B-ĐC-BSNS	Bảng đối chiếu số liệu BSNS

ĐƠN VỊ

Biểu số 02B/BVDT

BÁO CÁO SƠ DỰ DỰ TOÁN, DỰ TẠM ỨNG, CÁC KINH PHÍ ĐẦU TƯ XD CB NGÂN SÁCH NĂM
ĐỀ NGHỊ XÉT CHUYỂN SANG NĂM SAU

Đơn vị: Đồng

STT	ĐƠN VỊ DỰ TOÁN	MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS	MÃ SỐ KBNN GIAO DỊCH	CHƯƠNG	LOẠI, KHOẢN	DỰ TOÁN NĂM NÀY:			DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG ĐẾN 31/01 NĂM SAU	SỐ DƯ TÀI THỜI ĐIỂM 31/01 NĂM SAU			ĐỀ NGHỊ CHUYỂN SANG NĂM...			ĐỀ NGHỊ HỦY BỎ		
						TỔNG SỐ	DỰ TOÁN GIAO TRONG NĂM (gồm cả bổ sung, hoặc giảm trong năm)	DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC ĐƯỢC PHÉP CHUYỂN SANG		DỰ DƯ TOÁN	DƯ TẠM ỨNG	DƯ CAM KẾT CHI	DỰ DƯ TOÁN	DƯ TẠM ỨNG	DƯ CAM KẾT CHI	DỰ DƯ TOÁN	DƯ TẠM ỨNG	DƯ CAM KẾT CHI
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11=7-10	12	13	14	15	16	17=11-14	18=12-15	19=13-16
TỔNG CỘNG																		

Ngày ... tháng ... năm ...

KBNN nơi giao dịch xác nhận về sử dụng dự toán của đơn vị
Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc Đơn vị sử dụng ngân sách
Kế toán trưởng Chủ tài khoản

ĐƠN VỊ, MÃ SỐ:

MÃ CHƯƠNG:

MÃ KBNN GIAO DỊCH:

Biểu số 03A/ĐVDT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN CỦA CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC CHUYỂN SANG NĂM SAU (KHÔNG PHẢI XÉT CHUYỂN)

CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (CẤP TỈNH/ CẤP HUYỆN) THEO HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN

NIÊN ĐỘ ...

Đơn vị: Đồng

STT	Đơn vị	Tính chất nguồn kinh phí	Loại, Khoản	Dự toán năm được chi				Dự toán đã sử dụng đến 31/01 năm sau	Số dư tại thời điểm 31/01 được chuyển sang năm sau		
				Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh		Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	Số dư cam kết chi
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9	10=5-9	11	12
A/	CHI THƯỜNG XUYẾN										
1	Kinh phí thường xuyên										
a)	- Kinh phí khoán, tự chủ										
b)	- Kinh phí không tự chủ										
2	Kinh phí chương trình mục tiêu										
											

Ngày ... tháng ... năm

KBNN nơi giao dịch xác nhận về sử dụng dự toán của đơn vị

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đơn vị sử dụng ngân sách

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

CHỦ ĐẦU TƯ....., MÃ SỐ:.....

MÃ CHƯƠNG:

MÃ KBNN GIAO DỊCH:

Biểu số 03B/ĐVDT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐẦU TƯ XDCB CỦA CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC CHUYỂN SANG NĂM SAU

(KHÔNG PHẢI XÉT CHUYỂN)

CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (CẤP TỈNH/ CẤP HUYỆN) THEO HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN

NIÊN ĐỘ ...

Đơn vị: Đồng

STT	Đơn vị	Tính chất nguồn kinh phí (1)	Loại, khoản	Dự toán năm được chi				Dự toán đã sử dụng đến 31/01 năm sau	Số dư tại thời điểm 31/01 được chuyển sang năm sau		
				Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh		Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	Số dư cam kết chi
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9	10=5-9	11	12
1	DỰ ÁN A										
2	Nguồn vốn lập trung trong nước										
3	Các nguồn vốn										
	DỰ ÁN B										
											

Ngày ... tháng ... năm

KBNN nơi giao dịch xác nhận về sử dụng dự toán của đơn vị

Thủ trưởng đơn vị

Bộ phận kiểm soát chi

Giám đốc

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NĂM...

Tên dự án:

Mã dự án đầu tư:

Chủ đầu tư:

Thời gian khởi công - hoàn thành:

Quyết định đầu tư được duyệt (số, ngày, tháng, năm):

Tổng mức đầu tư được duyệt:

Tình hình thanh toán vốn:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch năm ...	Số vốn đã thanh toán trong năm...			Tổng số vốn theo kế hoạch còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		
1	2	3	4	5	6	7=3-4	8
A	Số liệu của chủ đầu tư:						
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3)						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
	Trong đó chia ra:						
1	Kế hoạch vốn trong năm						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)						
	Vốn còn lại kế hoạch năm trước						
3	được phép kéo dài chuyển sang:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
II	Lũy kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
B	Số liệu của Kho bạc nơi giao dịch:						
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3)						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
	Trong đó chia ra:						
1	Kế hoạch vốn trong năm						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)						
	Vốn còn lại kế hoạch năm trước						
3	được phép kéo dài chuyển sang:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
II	Lũy kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
C	Chênh lệch vốn thanh toán trong năm:						
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3):						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
1	Kế hoạch vốn trong năm						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)						
	Vốn còn lại kế hoạch năm trước						
3	được phép kéo dài chuyển sang:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
II	Lũy kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						

Ghi chú : + Số vốn thanh toán trong năm là số vốn được thanh toán theo niên độ NSNN theo quy định (đến hết 31/1 năm sau).

+ Số vốn ứng trước kế hoạch năm sau là số vốn được thanh toán đến 31/1 năm sau

+ Số vốn kéo dài KH năm trước chuyển sang:

- Vốn trong nước: là số vốn còn lại của KH năm trước được kéo dài thanh toán trong năm theo quy định cụ thể từng trường hợp (tối đa đến 31/1 năm sau)

- Vốn ngoài nước: là số vốn ngoài nước được kéo dài thanh toán như vốn trong nước (như vốn vay của Cơ quan phát triển Pháp AFD...)

Cột 6: vốn tạm ứng theo chế độ còn lại chưa thu hồi đến 31/1 năm sau.

Ngày ... tháng ... năm

Chủ đầu tư

Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm

Kho bạc nhà nước

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

BẢN XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KBNN

Tháng / năm

Tên đơn vịMã ĐVQHNS.....

Địa chỉ giao dịch:.....

Tài khoản số:Cấp.....Mã CTMT, DA và HTCT

Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Số dư đầu kỳ				
Phát sinh tăng trong kỳ				
Phát sinh giảm trong kỳ				
Số dư cuối kỳ				

....., ngày.....tháng....năm

....., ngày.....tháng....năm

Xác nhận của Kho bạc Nhà nước

Đơn vị sử dụng ngân sách

Kế toán

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên, đóng dấu)

BẢN XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG

Tháng..... năm 200.....

Kho bạc Nhà nước.....Địa chỉ.....

Đề nghị Ngân hàng xác nhận số liệu các tài khoản tiền gửi của KENN tại Ngân hàng theo nội dung chi tiết sau:

	Số liệu tại KBNN	Số liệu tại NH	Chênh lệch	Nguyên nhân	Đơn vị: đồng
Diễn giải					
1. Số hiệu TK.....					
Số dư đầu kỳ					
Phát sinh tăng trong kỳ					
Phát sinh giảm trong kỳ					
Số dư cuối kỳ					
2. Số hiệu TK:.....					
.....					
.....					

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

Xác nhận của Ngân hàng

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm 200.....

Kho bạc Nhà nước

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

KBNN:.....

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU TÀI KHOẢN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Năm 1999

Đơn vị tính : đồng

STT	Tên đơn vị	Số hiệu TK	Số dư đầu kỳ	Doanh số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
				Nợ	Có	
I	Tại NH Nhà nước					
	KBNN					
	KBNN					
	KBNN					
II	Tại NH Thương mại NH					
1	Ngân hàng Niro&PTNT					
	KBNN					
	KBNN					
	KBNN					
2	Ngân hàng Công thương					
	KBNN					
	KBNN					
	KBNN					
3	Ngân hàng đầu tư PT					
	KBNN					
	KBNN					
	KBNN					
4	Ngân hàng Ngoại thương					
	KBNN					
	KBNN					
	KBNN					
	Tổng cộng					

Ghi chú: (Giải thích chênh lệch, các vấn đề liên quan)

Lập biểu

Kế toán trưởng

....., ngày tháng năm

Giám đốc KBNN

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KBNN

BÁO CÁO ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU THANH TOÁN – KẾ TOÁN LIÊN KHO BẠC

Từ ngày ... / ... / ... đến ngày ... / ... / ...

STT	Lệnh thanh toán	Số liệu thanh toán		Số liệu kế toán		Ghi chú	
		TK LKB đi	TK LKB đến	TK LKB đi	TK LKB đến	Chênh lệch	Thuyết minh
A.	Thanh toán nội tỉnh						
1	Lệnh chuyển Nợ						
2	Lệnh chuyển Có						
B.	Thanh toán ngoại tỉnh						
1	Lệnh Chuyển Nợ						
2	Lệnh chuyển Có						

GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP BẢNG

KBNN:.....

Biểu số 08A/ĐC-QTV

Ngày lập:.....

**BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU CÁC TÀI KHOẢN THUỘC PHẠM
VI QUYẾT TOÁN VỐN KBNN**

Giữa Kho bạc Nhà nước và KBNN

Đơn vị: đồng

SHTK	Số dư đến 31/12		Số liệu chỉnh lý				
			SHTK	Doanh số phát sinh		Số dư	
	Nợ	Có		Nợ	Có	Nợ	Có
1	4	5	6	7	8	9	10
3814			3817				
3815			3818				
3862			3882				
3863			3883				
3865			3885				
3866			3886				

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc KBNN

Ghi chú: Biểu này dùng để đối chiếu số liệu giữa KBNN và KBNN tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ.

KBNN:.....

Biểu số 08B/ĐC-QTV

Ngày lập:.....

**BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU CÁC TÀI KHOẢN THUỘC PHẠM
VI QUYẾT TOÁN VỐN KBNN**

Giữa KBNN và KBNN

Đơn vị: đồng

SHTK	Số dư đến 31/12		Số liệu chỉnh lý				
			SHTK	Doanh số phát sinh		Số dư	
	Nợ	Có		Nợ	Có	Nợ	Có
1	4	5	6	7	8	9	10
3862			3882				
3863			3883				
3865			3885				
3866			3886				
3825			3828				
3852			3872				
3853			3873				
3855			3875				
3856			3876				

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc KBNN

Ghi chú: Biểu này dùng để đối chiếu số liệu giữa KBNN tỉnh và KBNN quận, huyện trực thuộc.

KBNN CẤP TRÊN (Sở Giao dịch KBNN; KBNN tỉnh)

Biểu số 11A/ĐC-BSNS

SỐ LIỆU BỔ SUNG NGÂN SÁCH NIÊN ĐỘ THEO HÌNH THỨC GTGC

Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...

KBNN	Tiểu mục	Số tiền	Ghi chú
- Hà Nội	7302		
	7303		
	...		
- Hải Phòng	7302		
	7303		
	...		
".....			
".....			
".....			
".....			
".....			
".....			
".....	...		

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU BỔ SUNG NGÂN SÁCH NIÊN ĐỘ

Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...

STT	Nội dung	Số chỉ NS cấp trên bổ sung cho NS cấp dưới	Trong đó		Số thu NS cấp dưới	Trong đó		Chênh lệch	Nguyên nhân
			Số chỉ NS cấp trên theo hình thức GTGC (Căn cứ trên số liệu ghi chỉ do KBNN cấp trên cung cấp)	Số chỉ NS cấp trên theo hình thức dự toán tại tỉnh		Số thu NS cấp dưới theo hình thức rút dự toán	Số thu NS cấp dưới theo hình thức GTGC		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(3)-(6)	(10)
I	Số vốn ứng trước bổ sung NS								
	TM....								
	TM....								
II	Số vốn bổ sung giao trong năm								
	TM 7301-4651								
	TM 7302-4652								
	TM 7303-4653								
	TM 7304-4654								
	TM 7305-4655								
	TM 7399-4699								

..., ngày...tháng... năm...

..., ngày...tháng... năm...

KBNN cấp dưới

CQTC đồng cấp xác nhận

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Quy trình đối chiếu số liệu

1. Đối với NSTW

- Sở Giao dịch KBNN lập báo cáo chi NSTW bổ sung NS tỉnh chi tiết theo từng tỉnh (theo mẫu số 01/BSNS-ĐC đính kèm) gửi KBNN tỉnh, thành phố qua thư điện tử (địa chỉ mail Lanhdao_KTT@vst.gov.vn), đồng thời gửi Vụ KTNN, Cục Quản lý nợ và TCĐN.

- KBNN tỉnh phối hợp Sở Tài chính rà soát, đối chiếu, thực hiện tổng hợp số liệu thu-chi NS theo hình thức rút dự toán tại tỉnh và ghi nhận số chi NSTW theo hình thức GTGC (do Sở Giao dịch KBNN cung cấp qua email) lập biểu đối chiếu số liệu (theo mẫu số 02/BSNS-ĐC) kèm thuyết minh (nếu có) gửi Sở Tài chính và KBNN (Vụ KTNN).

- Sở Tài chính căn cứ số liệu do KBNN tỉnh cung cấp thực hiện đối chiếu:

+ Số rút dự toán tại tỉnh

+ Số ghi chi bổ sung theo hình thức GTGC do Sở Giao dịch KBNN cung cấp với các hồ sơ, chứng từ GTGC nhận được từ Sở Giao dịch KBNN gửi.

Trường hợp đã nhận được Lệnh GTGC từ Sở Giao dịch KBNN nhưng chưa thực hiện GTGT tại tỉnh, Sở Tài chính thực hiện ngay việc GTGC (ghi thu NS địa phương bổ sung từ NS cấp trên và **ghi chi tạm ứng cho dự án**) theo hướng dẫn tại Tiết b, Điểm 2, công văn 12452/BTC-QLN ngày 17/09/2010 của Bộ Tài chính, hướng dẫn tạm thời GTGC viện trợ theo quy trình TABMIS.

Trường hợp sai sót về hồ sơ, thủ tục GTGC (sai lệch về đơn vị nhận vay nợ, viện trợ, chưa nhận được hàng hóa, chưa nhận được chứng từ GTGC từ Sở Giao dịch KBNN, sai số tiền, thực hiện GTGC nhiều hơn 1 lần ...) Sở Tài chính lập văn bản gửi Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại (Bộ Tài chính) nghiên cứu xử lý đồng thời gửi thông báo về KBNN (Vụ KTNN).

- Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại căn cứ văn bản do Sở Tài chính gửi xem xét, giải quyết kịp thời những vướng mắc theo đúng quy trình.

- Vụ KTNN căn cứ số liệu báo cáo do KBNN tỉnh gửi thực hiện tổng hợp số liệu toàn quốc gửi Vụ NSNN, Cục Quản lý nợ và TCĐN.

(Trường hợp số GTGC giữa NSTW và NSĐP có sai sót, sau khi Cục Quản lý nợ và TCĐN đã xử lý xong, KBNN tỉnh lập lại báo cáo đảm bảo chính xác số liệu theo nguyên tắc: Số thu NS tỉnh tại tỉnh = Số chi NSTW theo hình thức rút dự toán tại tỉnh + Số ghi chi NSTW tại SGD theo hình thức GTGC, gửi các đơn vị liên quan theo đúng quy trình)

- Thời gian lập báo cáo: Các đơn vị lập báo cáo vào 2 thời điểm 31/03/năm sau và 30/06/năm sau, trường hợp sau ngày 30/06/năm sau nếu có phát sinh thêm các khoản GTGC hoặc điều chỉnh, các đơn vị lập lại báo cáo đến hết thời điểm điều chỉnh, đảm bảo đầy đủ, chính xác số liệu, gửi các bên liên quan theo đúng quy trình.

2. Đối với NS địa phương

- VP KBNN tỉnh lập báo cáo chi NS tỉnh bổ sung NS huyện chi tiết theo từng huyện (theo mẫu số 01/BSNS-ĐC đính kèm) gửi KBNN huyện qua thư điện tử.

- KBNN quận, huyện tổng hợp số liệu thu-chi NS theo hình thức rút dự toán tại KBNN huyện và ghi nhận số chi NS tỉnh theo hình thức GTGC (do VP KBNN tỉnh cung cấp) lập biểu đối chiếu số liệu (theo mẫu số 02/BSNS-ĐC đính kèm) gửi Phòng Tài chính huyện và KBNN tỉnh.

- Phòng Tài chính huyện căn cứ số liệu do KBNN huyện cung cấp thực hiện đối chiếu:

+ Số rút dự toán tại huyện.

+ Số ghi chi bổ sung theo hình thức GTGC do VP KBNN tỉnh cung cấp với các hồ sơ, chứng từ GTGC nhận được từ VP KBNN tỉnh. Nếu có sai sót về thủ tục GTGC hoặc điều kiện GTGC, lập văn bản gửi Sở Tài chính nghiên cứu xử lý.

- Sở Tài chính căn cứ văn bản do Phòng Tài chính huyện gửi xem xét, giải quyết kịp thời những vướng mắc theo đúng quy trình.

- VP KBNN tỉnh căn cứ số báo cáo do KBNN huyện gửi, thực hiện tổng hợp số liệu toàn tỉnh gửi Sở Tài chính.

(Trường hợp số GTGC giữa NS tỉnh và NS huyện có sai sót, sau khi xử lý xong, đề nghị các đơn vị lập lại báo cáo đảm bảo chính xác số liệu theo nguyên tắc: Số thu NS huyện tại huyện = Số chi NS Tỉnh theo hình thức rút dự toán tại huyện + Số ghi chi NS Tỉnh tại VP KBNN tỉnh theo hình thức GTGC)

- Thời gian lập báo cáo: Các đơn vị lập báo cáo vào 2 thời điểm 31/03/năm sau và 30/06/năm sau, trường hợp sau ngày 30/06/năm sau nếu có phát sinh thêm các khoản GTGC hoặc điều chỉnh, các đơn vị lập lại báo cáo đến hết thời điểm điều chỉnh, đảm bảo đầy đủ, chính xác số liệu, gửi các bên liên quan theo đúng quy trình.

Phụ lục 02

MỘT SỐ ĐIỂM LƯU Ý VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỆ THỐNG

1. Đối với kết sổ thủ công và kết sổ tự động:

Đề nghị các đơn vị Kho bạc Nhà nước thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về công tác kết sổ thủ công ban ngày quy định tại Công văn số 106/KBNN-TABMIS ngày 17/01/2014 của Kho bạc Nhà nước.

Đội hỗ trợ TABMIS sẽ tăng cường giám sát việc kết sổ thủ công ban ngày của các đơn vị thời gian cao điểm cuối năm, nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp thực hiện sai quy định, thông báo đến đồng chí Giám đốc đơn vị để quán triệt, chỉ đạo, xử lý theo quy định.

Đối với chương trình kết sổ tự động do Đội hỗ trợ trung ương thiết lập thực hiện tự động vào ban đêm cho 63 bộ sổ các tỉnh, thành phố với các loại giao dịch Ngân sách – Dự chi – Thực. Thời gian thực hiện từ 19 giờ 30 phút hàng ngày, vì vậy các đơn vị không phải thực hiện chương trình kết sổ tự động trên hệ thống TABMIS đối với các loại giao dịch nêu trên.

2. Đối với chương trình đồng bộ dự toán:

Đề nghị các Vụ, Cục thuộc Bộ Tài chính thực hiện chương trình đồng bộ dự toán NSTW từ trung ương xuống địa phương và chiều ngược lại theo đúng các quy định tại Công văn số 19/TABMIS-TK ngày 15/8/2014 của Ban triển khai TABMIS.

Trường hợp cấp thiết cần phải thực hiện kết sổ và đồng bộ dự toán ngay tức thời, cán bộ phê duyệt các Vụ, Cục chuyên quản thuộc Bộ Tài chính thực hiện thủ công trên hệ thống TABMIS.

Các giao dịch phân bổ dự toán khác đều được thực hiện kết sổ và đồng bộ dự toán tự động vào buổi trưa và buổi đêm hàng ngày.

3. Đối với chương trình xử lý cuối năm:

Đề nghị Kho bạc Nhà nước và Sở Tài chính các tỉnh, thành phố phối hợp xử lý hoàn tất các giao dịch dở dang trên hệ thống trước khi thực hiện các chương trình xử lý cuối năm; Tổ chức thực hiện công tác xử lý cuối năm, phân công bố trí cán bộ thực hiện, lập kế hoạch thực hiện, đăng ký kế hoạch thực hiện với Đội hỗ trợ trung ương để được thực hiện quy trình hỗ trợ kịp thời hiệu quả (*ưu tiên thực hiện các chương trình xử lý cuối năm vào ngoài giờ hành chính và các ngày nghỉ thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ*).

4. Một số lưu ý khi thực hiện các chương trình chuyển nguồn:

(1) Theo quy trình của hệ thống, tại một thời điểm, cán bộ thực hiện một trong các chương trình chuyển nguồn: (i) Chương trình tái phân loại tạm ứng; (ii) Chương trình chuyển nguồn dự toán; (iii) Chương trình đảo tái phân loại tạm ứng; (iiii) Chương trình khử số dư âm; chỉ thực hiện được tối đa 03 yêu cầu và chờ đến khi các yêu cầu được xử lý hoàn thành rồi tiếp tục thực hiện các chương trình khác.

(2) Trong cùng một đơn vị có nhiều cán bộ cùng thực hiện các chương trình xử lý cuối năm, thực hiện liên tiếp đồng thời nhiều chương trình xử lý cuối năm (lớn hơn 03 yêu cầu), ảnh hưởng đến hệ thống sinh ra liên tiếp các chương trình con dẫn đến xung đột treo và lỗi trên hệ thống.

(3) Thực hiện điều chỉnh chưa đúng quy trình, điều chỉnh sau khi đã chạy chương trình chuyển nguồn, điều chỉnh sai ngày hạch toán đối với các khoản chi và cam kết chi trong giai đoạn khóa sổ, dẫn đến chênh lệch số liệu giữa năm trước với năm sau và số liệu các chương trình xử lý cuối năm sinh ra không đúng, không kết sổ được các bút toán chuyển nguồn.

(4) Thực hiện chương trình tính toán cân đối thu chi chưa đúng quy trình nghiệp vụ, chưa đúng tham số hệ thống, sai cấp ngân sách, sai mã địa bàn... dẫn đến số liệu phản ánh trên bảng cân đối kế toán sai lệch.

5. Việc thiết lập ưu tiên đối với chương trình giao diện thời gian cao điểm cuối năm (bắt đầu từ ngày 25/12/2014 đến hết ngày 01/01/2015 và từ ngày 26/01 đến hết ngày 01/02/2015):

- Ưu tiên thứ nhất: giao dịch nhập bút toán, cập nhật số dư tiền gửi của đơn vị, phân bổ dự toán, đồng bộ dự toán NSTW.

- Ưu tiên thứ hai: giao diện thanh toán đầu ra của TABMIS sang liên ngân hàng, thanh toán điện tử, thanh toán bù trừ điện tử. Giao diện an ninh quốc phòng sang TABMIS để giao diện thanh toán chuyển tiếp, bảng kê BK1-03 (*sử dụng trong trường hợp hệ thống giao diện quá tải, để đơn vị chủ động thanh toán với ngân hàng bằng phương pháp thủ công*).

- Ưu tiên thứ ba: giao diện thanh toán đầu ra của TABMIS sang hệ thống thanh toán liên kho bạc.

- Ưu tiên thứ tư: giao diện đầu vào TABMIS của hệ thống thu ngân sách nhà nước, liên kho bạc, bù trừ điện tử, liên ngân hàng, thanh toán song phương.

Ngoài ra các mức ưu tiên nêu trên, Đội hỗ trợ TABMIS thiết lập luồng ưu tiên giao diện dành riêng cho Hồ Chí Minh và Hà Nội, (đơn vị có số lượng giao dịch thanh toán lớn).

- Ưu tiên thứ năm: liệt kê S206 và sổ chi tiết S202 ưu tiên thực hiện ban ngày đối với các yêu cầu phù hợp nghiệp vụ, đối với các yêu cầu sai quy định sẽ

bị ngắt không cho thực hiện như các yêu cầu tham số toàn tỉnh, tham số từ ngày đến ngày của một tháng hoặc một năm,...

- Ưu tiên thứ sáu: các báo cáo thu, chi, cân đối kế toán, thực hiện ban ngày của Vụ Kế toán nhà nước, Hồ Chí Minh, Hà Nội. Các báo cáo tài chính của cơ quan Tài chính thực hiện ban ngày. Đối với các yêu cầu thực hiện sai quy định sẽ bị ngắt không cho thực hiện, như các yêu cầu tham số thời gian từ 01/01 đến 31/12, hoặc không nhập tham số mã hiệu KBNN (SHKB để trống).

5. Một số báo cáo và tiến trình sẽ tạm dừng hoạt động trong thời gian cao điểm:

Tạm dừng hoạt động đối với tất cả các báo cáo tổng hợp (ký hiệu đầu B) kể từ 07 giờ sáng đến 05 giờ chiều các ngày cao điểm và được kích hoạt sau 17 giờ chiều hôm trước đến trước 07 giờ sáng ngày hôm sau.

Các yêu cầu khai thác báo cáo phù hợp tham số, đúng yêu cầu nghiệp vụ đã đệ trình trước thời điểm 07 giờ sáng vẫn được tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành. Các yêu cầu sai tham số, không đúng yêu cầu nghiệp vụ, gây ảnh hưởng đến hiệu năng hệ thống sẽ bị ngắt tạm dừng thực hiện./

